

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14** /2023/HNGĐ - ST

Ngày: 10 - 5 - 2023

V/v Ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH TỈNH THANH HOÁ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Chiêu

2. Ông Lê Việt Hòa

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký TAND huyện Yên Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 10/5/2023 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2023/TLST - HNGĐ ngày 27/01/2023 về việc Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 03/04/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST – HNGĐ ngày 18/4/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị M, sinh năm 1988. *(có mặt)*

Địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện Yên Định, Thanh Hóa

2. Bị đơn: Anh Trương Công T, sinh năm 1982. *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Thôn P, xã Y, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của chị M ngày 27/01/2023 và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn chị Trịnh Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T kết hôn do hai bên tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau 01 tháng thì tiến tới hôn nhân. Đăng ký kết hôn ngày 29/11/2007 tại UBND xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong quá trình chung sống vợ chồng nhận thấy không có tiếng nói chung, bất đồng với nhau trong quan điểm sống. Mặt khác, do anh T nghe lời bố mẹ, hay bỏ bê vợ con không quan tâm tới vợ con, dẫn tới mâu thuẫn ngày một trầm trọng. Sau khi mâu thuẫn xảy ra đã được gia đình hai bên khuyên can hòa giải cho vợ

chồng quay về đoàn tụ nhưng không thành. Hiện tại vợ chồng chị đã sống ly thân và thôi quan hệ sinh lý kể từ đầu năm 2017 cho tới nay. Vợ chồng không gặp nhau, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Trương Công M, sinh ngày 04/11/2008 và Trương Công Hải Đ, sinh ngày 23/6/2011. Hiện nay, các con khỏe mạnh bình thường và đang ở với chị. Vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi cả 02 con. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung tùy thuộc vào anh T muốn cấp dưỡng hay không.

Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 31/01/2023 và quá trình giải quyết bị đơn anh Trương Công T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị M kết hôn do hai bên tự nguyện. Đăng ký kết hôn ngày 29/11/2007 tại UBND xã Y, huyện Yên Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau, đến năm 2016 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do trong quá trình chung sống vợ chồng anh nhận thấy không có tiếng nói chung, bất đồng nhau về quan điểm sống. Vợ chồng anh vỡ nợ nên anh phải đi nước ngoài để kiếm tiền trả nợ, dẫn tới mâu thuẫn ngày một trầm trọng. Sau khi mâu thuẫn xảy ra đã được gia đình khuyên can hòa giải nhưng chị M vẫn bỏ về nhà ngoại không đồng ý quay về đoàn tụ với anh. Vợ chồng anh sống ly thân và thôi quan hệ sinh lý từ đầu năm 2017 cho tới nay, không ai quan tâm tới ai. Nay chị M làm đơn xin ly hôn anh xác định tình cảm vẫn còn nên không đồng ý ly hôn với chị M.

Về con chung: Anh và chị M có 02 con chung là Trương Công M, sinh ngày 04/11/2008 và Trương Công Hải Đ, sinh ngày 23/6/2011. Hiện nay, các con khỏe mạnh bình thường và đang ở với chị M. Sau khi ly hôn, hai con ở với ai là tùy hai con quyết định. Vấn đề cấp anh không có nguyện vọng cấp dưỡng, và cũng không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung và công nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng anh T vẫn vắng mặt. Chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn về con chung chị thay đổi chỉ xin nuôi cháu M, còn cháu Hải Đ thì giao cho anh T nuôi vì nguyện vọng của cháu muốn ở với bố, không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ của mình. Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết. Về hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị M được ly hôn anh Trương Công T; Về con chung: Giao cháu Trương Công Hải Đ cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cháu Trương Công M cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Vì quyền lợi của con hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung, thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Chị Trịnh Thị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

{ I } Về tố tụng

1.1. Xác định thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn của chị M và anh T là đúng quy định về thẩm quyền xét xử theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về sự vắng mặt của bị đơn:

Tại phiên tòa anh T vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ hai lần. Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

{ II } Về nội dung:

2.1. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Đó là nguyên nhân chính dẫn đến phát sinh mâu thuẫn vợ chồng.

Đánh giá thực trạng mâu thuẫn cuộc sống vợ chồng: Chị M và anh T sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh T đã mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Hiện tại đời sống chung đã chấm dứt. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Anh T cho rằng tình cảm vợ chồng đang còn nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, anh T không đưa ra được căn cứ

chứng minh tình cảm vợ chồng đang còn, trái lại anh T không đến Tòa án để Tòa hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ. Việc anh T không đến tham gia phiên hòa giải, không tham gia phiên tòa, điều đó chứng tỏ anh T cũng không muốn níu kéo hạnh phúc, không thiết tha đến cuộc sống vợ chồng. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M là phù hợp.

2.2. *Về con chung*: Chị M và anh T có 02 con chung là Trương Công M, sinh ngày 04/11/2008 và Trương Công Hải Đ, sinh ngày 23/6/2011. Quá trình giải quyết chị M có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con. Tại phiên tòa chị xin nuôi cháu M còn cháu Hải Đ, giao cho anh T nuôi dưỡng. Quan điểm của anh T sau khi ly hôn, hai con ở với ai là tùy hai con quyết định, HĐXX xét thấy: Vợ chồng có hai con, nguyện vọng nuôi con của chị M và anh T chính đáng, phù hợp quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của các con. Vì vậy, HĐXX giao cháu Trương Công M cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu Trương Công Hải Đ cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo hai bên đều có quyền được nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con chị M và anh T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

2.3. *Về tài sản và công nợ chung*: Chị M và anh T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

2.4. *Về án phí*: Chị M khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng*: Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình; Điều b khoản 2 Điều 227; Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS; Điều a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

- *Tuyên xử*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M.

Về Hôn nhân: Chấp nhận chị Trịnh Thị M được ly hôn anh Trương Công T.

Về con chung: Chị M và anh T có 02 con chung. Giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Công M, sinh ngày 04/11/2008. Giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Công Hải Đ, sinh ngày 23/6/2011. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hai bên không yêu cầu.

Chị M và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ chung: Chị M và anh T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Trịnh Thị M phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn*) mà chị M đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, theo Biên lai thu số AA/2021/0003721 ngày 27/01/2023. Chấp nhận chị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho chị M trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Đối với anh T vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKS huyện Yên Định;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- UBND xã Y;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Thắng